

## BẢNG PHÂN TÍCH NHU CẦU TÀI CHÍNH

### A-Thông tin chung

#### 1. Thông tin cá nhân

Họ tên Bên mua bảo hiểm: **Bố**  
Ngày sinh: **01/01/1988**  
Giới tính:  Nam  Nữ  
Tình trạng hôn nhân:  Độc thân  Đã kết hôn  
Nghề nghiệp: **Ăn uống - đầu bếp trưởng**

#### 2. Khả năng tài chính

Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo tháng: **1.000 triệu VNĐ**  
Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo năm: **12.000 triệu VNĐ**  
Thu nhập cả gia đình theo tháng: **2.000 triệu VNĐ**  
Thu nhập cả gia đình theo năm: **24.000 triệu VNĐ**  
Số tiền dành cho BHNT trên thu nhập cả gia đình theo năm: **1.000 triệu VNĐ**  
Thời gian dự định đóng phí BHNT: **15.0 năm**

### B-Nhu cầu của quý khách và kế hoạch tài chính

Nhu cầu trọng tâm		Nhu cầu Quý khách quan tâm	Số tiền cần thiết ước tính (A) VNĐ	Khoản tiết kiệm/ Đầu tư/ hợp đồng bảo hiểm hiện có cho nhu cầu này (B) VNĐ	Khoản chênh lệch tối thiểu cần bảo hiểm (C=A-B) VNĐ
Bảo vệ tài chính	Rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000
	Rủi ro tai nạn	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000
	Rủi ro bệnh hiểm nghèo	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000
Tiết kiệm/Tích lũy tài chính	Kế hoạch học vấn của con	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000
	Kế hoạch cho tuổi hưu an nhàn	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000
	Kế hoạch tích lũy tài chính cho nhu cầu chi tiêu ngắn hạn	<input type="checkbox"/>			
Đầu tư	Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000
	Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000



Nhu cầu gia tăng thêm bảo vệ cho bản thân và gia đình				
Chăm sóc sức khỏe	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000
Bệnh hiểm nghèo	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000
Tử vong, tai nạn, thương tật	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000.000.000	0	10.000.000.000

**C-Gợi ý sản phẩm**

Tên sản phẩm chính	Lý do đề xuất
CIM2-PRU-Cuộc Sống Bình An	Khách hàng có nhu cầu: Phù hợp với nhu cầu

**D-Xác nhận của khách hàng**

Tôi xác nhận:  
- Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi.  
- Tôi đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này.  
- Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính.  
- Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

<b>Khách hàng ký tên</b>  <b>Chữ ký:</b> _____ <b>Họ và tên: Bô</b>	<b>Tư vấn viên ký tên</b>  <b>Chữ ký:</b> _____ <b>Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM</b> <b>Mã số: 60720231</b>
--	--

\*Lưu ý: Bảng phân tích này chỉ nhằm mục đích tìm hiểu nhu cầu và khả năng tài chính của Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ thông qua các sản phẩm bảo hiểm của Prudential Việt Nam. Số tiền được thể hiện qua phân tích này chỉ mang tính tương đối, không phản ánh chính xác số tiền thực tế cần phải có trong tương lai. Quý khách nên thường xuyên xem lại phân tích này với chuyên viên Tư vấn tài chính của Prudential Việt Nam, đặc biệt là khi có sự thay đổi về nhu cầu hoặc điều kiện kinh tế khác.



## PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp;  
Vốn điều lệ: 6.397,8 tỷ đồng;  
Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM;  
Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (028) 39100899;  
Website: <http://www.prudential.com.vn>

### THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN

Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM  
Mã số: 60720231  
Điện thoại: 0999999999  
Địa chỉ liên hệ:

**PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN - Chia sẻ cùng bạn gánh nặng tài chính trước rủi ro 72 bệnh ung thư và bệnh hiểm nghèo.**

**Được chi trả lên đến 200% Số tiền bảo hiểm cho 72 bệnh ung thư và bệnh hiểm nghèo**

- Chi trả tối đa 2 bệnh ung thư/bệnh hiểm nghèo (BHN) giai đoạn đầu với 30% Số tiền bảo hiểm (STBH) mỗi bệnh.
- Chi trả tối đa 2 bệnh ung thư/BHN giai đoạn sau với tổng quyền lợi lên đến 200% STBH và các khoản lãi.
- Miễn đóng toàn bộ phí còn lại của sản phẩm chính khi mắc bệnh ung thư/BHN giai đoạn sau lần 1.

**Được chi trả lên đến 300% STBH trước rủi ro tử vong**

- Chi trả lên đến 200% STBH và các khoản lãi để bù đắp những mất mát về tài chính.
- Hỗ trợ thêm 100% STBH trong trường hợp không may tử vong do tai nạn.

**Nhận ngay 30% STBH bằng tiền mặt ở tuổi 65**

Chủ động nhận trước 30% STBH để thực hiện các dự định cá nhân và kế hoạch cùng gia đình.

**Tổng quyền lợi bảo hiểm đảm bảo của sản phẩm PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN không vượt quá 200% STBH. Trong trường hợp NDBH tử vong do tai nạn, quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả thêm 100% STBH.**

**PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN - Khởi đầu vững chắc cho tương lai bình an**



**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

<b>THÔNG TIN KHÁCH HÀNG</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Tuổi</b>	<b>Nghề nghiệp</b>	<b>Tăng phí</b>	<b>Lý do tăng phí</b>	<b>CMND/Hộ chiếu/ Khai sinh</b>
Bên mua bảo hiểm:	Bố	Nam	35				
Người được bảo hiểm chính (NĐBH chính):	Bố	Nam	35	Ăn uống - đầu bếp trưởng	Không		
Người được bảo hiểm bổ sung 1 (NĐBHBS 1):	Mẹ	Nữ	30	Ăn uống - đầu bếp trưởng	Không		
Người được bảo hiểm bổ sung 2 (NĐBHBS 2):	Con trai	Nam	6	Sinh viên, học sinh	Không		
Địa chỉ liên hệ:							



<b>THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM</b>			<b>Người được bảo hiểm</b>	<b>Thời hạn hợp đồng</b>	<b>Thời hạn đóng phí</b>	<b>Số tiền bảo hiểm</b>	<b>Phí bảo hiểm hàng năm</b>
<b>Sản phẩm chính</b>							
<b>PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN</b>			NĐBH chính	40	15	200.000.000	15.570.000
Phí giảm cho hợp đồng có số tiền bảo hiểm lớn:							(400.000)
Phí bảo hiểm sau khi đã giảm:							15.170.000
<b>Sản phẩm bổ trợ</b>							
1	HSR4	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe (*)	NĐBH chính	15	15	400.000(**)	840.000
2	OPW8	Bảo hiểm miễn đóng phí	NĐBHBS 1	15	15	100.000.000	396.600
3	TLR1	Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn		15	15		429.000
4	ADD2	Bảo hiểm chết và tàn tật do tai nạn mở rộng (*)		15	15		350.000
5	CIR3	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu (*)		15	15		1.092.000
6	OPW7	Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo (*)	NĐBHBS 2	15	15	200.000.000	203.800
7	CIR3	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu (*)		15	15		448.000
<b>Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ</b>							<b>18.929.400</b>
<b>Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ:</b>				<b>Năm</b>	<b>Nửa năm</b>	<b>Quý</b>	
				18.929.400	10.222.500	5.402.500	

**Phương thức đóng phí bảo hiểm:** Tiền mặt

**Ghi chú:**

- (\*) Prudential có quyền điều chỉnh mức Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm này trong suốt Thời hạn đóng phí bảo hiểm với sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm còn lại được đảm bảo trong suốt thời hạn hợp đồng.
- (\*\*) Đây là Số tiền bảo hiểm chi trả cho Quyền lợi Trợ cấp viện phí cho mỗi Ngày nằm viện.
- (Các) Sản phẩm bổ trợ trên đây là (các) sản phẩm bảo hiểm không có bảo tức.
- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là phí tính cho người có sức khỏe trung bình theo tiêu chuẩn của Prudential. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thẩm định của Prudential.



**2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

<b>MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)</b>													
<b>Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính</b>	<b>Tổng phí bảo hiểm đã đóng</b>	<b>QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO</b>					<b>QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO</b>				<b>TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH</b>		
		<b>QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TIỀN MẶT</b>	<b>GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO</b>	<b>Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,00%</b>	<b>Lãi chia cuối hợp đồng</b>	<b>Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy</b>	<b>Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa</b>	<b>Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa</b>	<b>Giá trị hoàn lại</b>
		<b>Giai đoạn đầu</b>	<b>Giai đoạn sau</b>	<b>Tử vong không do tai nạn</b>	<b>Tử vong do tai nạn</b>								
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
1/36	15.170	120.000	400.000	400.000	600.000			4.000			404.000	604.000	
2/37	30.340	120.000	400.000	400.000	600.000		858	8.080	160		408.080	608.080	1.018
3/38	45.510	120.000	400.000	400.000	600.000		3.289	12.242	506		412.242	612.242	3.796
4/39	60.680	120.000	400.000	400.000	600.000		7.411	16.486	1.070		416.486	616.486	8.480
5/40	75.850	120.000	400.000	400.000	600.000		13.346	20.816	1.882		420.816	620.816	15.228
6/41	91.020	120.000	400.000	400.000	600.000		21.231	25.233	2.981		425.233	625.233	24.213
7/42	106.190	120.000	400.000	400.000	600.000		31.213	29.737	4.405		429.737	629.737	35.618
8/43	121.360	120.000	400.000	400.000	600.000		49.654	34.332	7.083		434.332	634.332	56.737
9/44	136.530	120.000	400.000	400.000	600.000		65.359	39.019	9.456		439.019	639.019	74.815
10/45	151.700	120.000	400.000	400.000	600.000		83.686	43.799	12.303		443.799	643.799	95.989
11/46	166.870	120.000	400.000	400.000	600.000		95.324	48.675	14.260		448.675	648.675	109.583
12/47	182.040	120.000	400.000	400.000	600.000		107.569	53.648	16.386		453.648	653.648	123.955
13/48	197.210	120.000	400.000	400.000	600.000		120.464	58.721	18.694		458.721	658.721	139.158
14/49	212.380	120.000	400.000	400.000	600.000		134.053	63.896	21.196		463.896	663.896	155.250
15/50	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		148.381	69.174	28.000	23.905	497.174	697.174	172.286
16/51	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		154.855	74.557	34.000	26.836	508.557	708.557	181.691
17/52	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		161.576	80.048	40.000	30.003	520.048	720.048	191.579
18/53	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		168.554	85.649	46.000	33.419	531.649	731.649	201.973
19/54	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		175.795	91.362	52.000	37.100	543.362	743.362	212.896
20/55	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		183.310	97.190	58.000	41.064	555.190	755.190	224.374



**2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

<b>MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)</b>															
<b>Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính</b>	<b>Tổng phí bảo hiểm đã đóng</b>	<b>QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO</b>				<b>QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO</b>			<b>TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH</b>						
		<b>QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TIỀN MẶT</b>	<b>GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO</b>	<b>Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,00%</b>	<b>Lãi chia cuối hợp đồng</b>	<b>Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy</b>	<b>Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa</b>	<b>Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa</b>	<b>Giá trị hoàn lại</b>		
		<b>Giai đoạn đầu</b>	<b>Giai đoạn sau</b>	<b>Tử vong không do tai nạn</b>	<b>Tử vong do tai nạn</b>									<b>(a)</b>	<b>(b)</b>
21/56	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		191.115	103.133	64.000	45.328	567.133	767.133	236.443		
22/57	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		199.232	109.196	70.000	49.916	579.196	779.196	249.148		
23/58	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		207.688	115.380	76.000	54.852	591.380	791.380	262.540		
24/59	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		216.517	121.687	82.000	60.163	603.687	803.687	276.680		
25/60	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		225.747	128.121	88.000	65.879	616.121	816.121	291.627		
26/61	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		235.408	134.684	94.000	72.031	628.684	828.684	307.439		
27/62	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		245.527	141.377	100.000	78.649	641.377	841.377	324.176		
28/63	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		256.135	148.205	106.000	85.771	654.205	854.205	341.906		
29/64	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		267.282	155.169	112.000	93.437	667.169	867.169	360.718		
30/65	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000	60.000	339.027	162.272	118.000	101.696	680.272	880.272	440.723		
31/66	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		287.604	169.518	126.000	110.609	698.518	898.518	401.213		
32/67	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		296.583	176.908	134.000	120.257	717.058	917.058	422.990		
33/68	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		306.101	184.446	142.000	130.736	735.904	935.904	446.294		
34/69	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		316.263	192.135	148.000	142.158	753.066	953.066	471.351		
35/70	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		327.192	199.978	156.000	154.664	772.555	972.555	498.432		
36/71	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		339.041	207.978	164.000	168.427	792.383	992.383	527.874		
37/72	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		352.002	216.137	172.000	183.668	812.563	1.012.563	560.096		
38/73	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		366.258	224.460	178.000	200.673	831.107	1.031.107	595.578		
39/74	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		382.120	232.949	186.000	219.819	852.029	1.052.029	635.019		
40/75	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		400.000	241.608	194.000	241.608	873.342	1.073.342	873.342		



**2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

<b>MỨC MINH HỌA THẤP (**)</b>													
<b>Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính</b>	<b>Tổng phí bảo hiểm đã đóng</b>	<b>QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO</b>					<b>QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO</b>			<b>TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH</b>			
		<b>QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TIỀN MẶT</b>	<b>GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO</b>	<b>Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00%</b>	<b>Lãi chia cuối hợp đồng</b>	<b>Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy</b>	<b>Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa</b>	<b>Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa</b>	<b>Giá trị hoàn lại</b>
		<b>Giai đoạn đầu</b>	<b>Giai đoạn sau</b>	<b>Tử vong không do tai nạn</b>	<b>Tử vong do tai nạn</b>								
		<b>(a)</b>	<b>(b)</b>	<b>(c)</b>	<b>(d)</b>	<b>(e)</b>	<b>(f)</b>	<b>(g)</b>	<b>(h)</b>	<b>(i)</b>	<b>(j)</b>	<b>(k)</b>	<b>(l)</b>
1/36	15.170	120.000	400.000	400.000	600.000			2.000			402.000	602.000	
2/37	30.340	120.000	400.000	400.000	600.000		858	4.020		79	404.020	604.020	938
3/38	45.510	120.000	400.000	400.000	600.000		3.289	6.060		251	406.060	606.060	3.540
4/39	60.680	120.000	400.000	400.000	600.000		7.411	8.121		527	408.121	608.121	7.937
5/40	75.850	120.000	400.000	400.000	600.000		13.346	10.202		923	410.202	610.202	14.268
6/41	91.020	120.000	400.000	400.000	600.000		21.231	12.304		1.454	412.304	612.304	22.685
7/42	106.190	120.000	400.000	400.000	600.000		31.213	14.427		2.137	414.427	614.427	33.350
8/43	121.360	120.000	400.000	400.000	600.000		49.654	16.571		3.419	416.571	616.571	53.073
9/44	136.530	120.000	400.000	400.000	600.000		65.359	18.737		4.541	418.737	618.737	69.900
10/45	151.700	120.000	400.000	400.000	600.000		83.686	20.924		5.878	420.924	620.924	89.563
11/46	166.870	120.000	400.000	400.000	600.000		95.324	23.134		6.777	423.134	623.134	102.101
12/47	182.040	120.000	400.000	400.000	600.000		107.569	25.365		7.747	425.365	625.365	115.316
13/48	197.210	120.000	400.000	400.000	600.000		120.464	27.619		8.792	427.619	627.619	129.256
14/49	212.380	120.000	400.000	400.000	600.000		134.053	29.895		9.917	429.895	629.895	143.971
15/50	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		148.381	32.194		11.126	432.194	632.194	159.506
16/51	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		154.855	34.516		12.424	434.516	634.516	167.279
17/52	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		161.576	36.861		13.816	436.861	636.861	175.392
18/53	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		168.554	39.230		15.307	439.230	639.230	183.861
19/54	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		175.795	41.622		16.902	441.622	641.622	192.697
20/55	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		183.310	44.038		18.607	444.038	644.038	201.917





**2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

<b>MỨC MINH HỌA THẤP (**)</b>															
<b>Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính</b>	<b>Tổng phí bảo hiểm đã đóng</b>	<b>QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO</b>				<b>QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO</b>			<b>TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH</b>						
		<b>QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TIỀN MẶT</b>	<b>GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO</b>	<b>Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00%</b>	<b>Lãi chia cuối hợp đồng</b>	<b>Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy</b>	<b>Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa</b>	<b>Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa</b>	<b>Giá trị hoàn lại</b>		
		<b>Giai đoạn đầu</b>	<b>Giai đoạn sau</b>	<b>Tử vong không do tai nạn</b>	<b>Tử vong do tai nạn</b>									<b>(a)</b>	<b>(b)</b>
21/56	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		191.115	46.478		20.428	446.478	646.478	211.543		
22/57	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		199.232	48.943		22.373	448.943	648.943	221.605		
23/58	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		207.688	51.433		24.451	451.433	651.433	232.140		
24/59	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		216.517	53.947		26.672	453.947	653.947	243.189		
25/60	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		225.747	56.486		29.045	456.486	656.486	254.792		
26/61	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		235.408	59.051		31.581	459.051	659.051	266.990		
27/62	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		245.527	61.642		34.292	461.642	661.642	279.819		
28/63	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		256.135	64.258		37.188	464.258	664.258	293.323		
29/64	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		267.282	66.901		40.285	466.901	666.901	307.567		
30/65	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000	60.000	339.027	69.570		43.599	469.570	669.570	382.627		
31/66	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		287.604	72.266		47.153	474.366	674.366	336.856		
32/67	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		296.583	74.988		50.975	479.262	679.262	351.831		
33/68	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		306.101	77.738		55.101	484.261	684.261	367.725		
34/69	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		316.263	80.515		59.572	489.367	689.367	384.686		
35/70	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		327.192	83.321		64.441	494.582	694.582	402.893		
36/71	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		339.041	86.154		69.770	499.909	699.909	422.566		
37/72	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		352.002	89.015		75.643	505.352	705.352	443.982		
38/73	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		366.258	91.905		82.166	510.914	710.914	467.433		
39/74	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		382.120	94.825		89.480	516.598	716.598	493.374		
40/75	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		400.000	97.773		97.773	522.409	722.409	522.409		



**2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

<b>MỨC MINH HỌA CAO (***)</b>													
<b>Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính</b>	<b>Tổng phí bảo hiểm đã đóng</b>	<b>QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO</b>				<b>QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO</b>			<b>TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH</b>				
		<b>QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TIỀN MẶT</b>	<b>GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO</b>	<b>Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 3,00%</b>	<b>Lãi chia cuối hợp đồng</b>	<b>Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy</b>	<b>Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa</b>	<b>Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa</b>	<b>Giá trị hoàn lại</b>
		<b>Giai đoạn đầu</b>	<b>Giai đoạn sau</b>	<b>Tử vong không do tai nạn</b>	<b>Tử vong do tai nạn</b>								
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
1/36	15.170	120.000	400.000	400.000	600.000			6.000			406.000	606.000	
2/37	30.340	120.000	400.000	400.000	600.000		858	12.180		241	412.180	612.180	1.099
3/38	45.510	120.000	400.000	400.000	600.000		3.289	18.545		767	418.545	618.545	4.056
4/39	60.680	120.000	400.000	400.000	600.000		7.411	25.102		1.628	425.102	625.102	9.039
5/40	75.850	120.000	400.000	400.000	600.000		13.346	31.855		2.881	431.855	631.855	16.226
6/41	91.020	120.000	400.000	400.000	600.000		21.231	38.811		4.585	438.811	638.811	25.817
7/42	106.190	120.000	400.000	400.000	600.000		31.213	45.975		6.811	445.975	645.975	38.024
8/43	121.360	120.000	400.000	400.000	600.000		49.654	53.354		11.008	453.354	653.354	60.662
9/44	136.530	120.000	400.000	400.000	600.000		65.359	60.955		14.772	460.955	660.955	80.131
10/45	151.700	120.000	400.000	400.000	600.000		83.686	68.783		19.322	468.783	668.783	103.007
11/46	166.870	120.000	400.000	400.000	600.000		95.324	76.847		22.513	476.847	676.847	117.837
12/47	182.040	120.000	400.000	400.000	600.000		107.569	85.152		26.008	485.152	685.152	133.577
13/48	197.210	120.000	400.000	400.000	600.000		120.464	93.707		29.832	493.707	693.707	150.296
14/49	212.380	120.000	400.000	400.000	600.000		134.053	102.518		34.009	502.518	702.518	168.062
15/50	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		148.381	111.594	44.000	38.565	555.594	755.594	186.945
16/51	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		154.855	120.941	52.000	43.532	572.941	772.941	198.387
17/52	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		161.576	130.570	62.000	48.938	592.570	792.570	210.514
18/53	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		168.554	140.487	72.000	54.816	612.487	812.487	223.370
19/54	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		175.795	150.701	82.000	61.197	632.701	832.701	236.992
20/55	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		183.310	161.222	92.000	68.118	653.222	853.222	251.429



**2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

<b>MỨC MINH HỌA CAO (***)</b>													
<b>Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính</b>	<b>Tổng phí bảo hiểm đã đóng</b>	<b>QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO</b>						<b>QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO</b>			<b>TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH</b>		
		<b>QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA</b>		<b>QUYỀN LỢI TIỀN MẶT</b>	<b>GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO</b>	<b>Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 3,00%</b>	<b>Lãi chia cuối hợp đồng</b>	<b>Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy</b>	<b>Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa</b>	<b>Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa</b>	<b>Giá trị hoàn lại</b>
		<b>Giai đoạn đầu</b>	<b>Giai đoạn sau</b>	<b>Tử vong không do tai nạn</b>	<b>Tử vong do tai nạn</b>								
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
21/56	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		191.115	172.059	100.000	75.621	672.059	872.059	266.737
22/57	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		199.232	183.221	110.000	83.754	693.221	893.221	282.986
23/58	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		207.688	194.717	120.000	92.570	714.717	914.717	300.258
24/59	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		216.517	206.559	130.000	102.125	736.559	936.559	318.641
25/60	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		225.747	218.756	140.000	112.483	758.756	958.756	338.230
26/61	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		235.408	231.318	148.000	123.712	779.318	979.318	359.120
27/62	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		245.527	244.258	158.000	135.882	802.258	1.002.258	381.409
28/63	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		256.135	257.586	168.000	149.073	825.586	1.025.586	405.208
29/64	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		267.282	271.313	178.000	163.374	849.313	1.049.313	430.656
30/65	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000	60.000	339.027	285.453	190.000	178.893	875.453	1.075.453	517.920
31/66	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		287.604	300.016	202.000	195.758	905.916	1.105.916	487.262
32/67	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		296.583	315.017	214.000	214.139	937.070	1.137.070	518.776
33/68	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		306.101	330.467	226.000	234.236	968.944	1.168.944	552.813
34/69	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		316.263	346.381	238.000	256.282	1.001.569	1.201.569	589.733
35/70	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		327.192	362.773	250.000	280.570	1.034.978	1.234.978	629.967
36/71	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		339.041	379.656	262.000	307.458	1.069.204	1.269.204	674.048
37/72	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		352.002	397.045	274.000	337.399	1.104.284	1.304.284	722.640
38/73	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		366.258	414.957	286.000	370.982	1.140.256	1.340.256	776.540
39/74	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		382.120	433.405	298.000	408.976	1.177.160	1.377.160	836.851
40/75	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		400.000	452.408	310.000	452.408	1.215.036	1.415.036	1.215.036



**2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

<b>Tóm tắt quyền lợi khi kết thúc thời hạn hợp đồng</b>	<b>Mức minh họa Thấp</b>	<b>Mức minh họa Trung bình</b>	<b>Mức minh họa Cao</b>
<b>Quyền lợi đảm bảo</b>	400.000	400.000	400.000
<b>Quyền lợi không đảm bảo</b>			
Bảo tức tích lũy minh họa	97.773	241.608	452.408
Lãi chia cuối hợp đồng minh họa		194.000	310.000
Lãi tích lũy minh họa (m)	24.636	37.734	52.628
<b>Tổng quyền lợi khi kết thúc hợp đồng (n)</b>	<b>522.409</b>	<b>873.342</b>	<b>1.215.036</b>

**Ghi chú:**

- (a) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH mắc 2 BHN giai đoạn đầu thuộc 2 nhóm khác nhau trong 4 nhóm bệnh được quy định trong Quy tắc, Điều khoản.
- (b) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH mắc 2 BHN giai đoạn sau thuộc 2 nhóm khác nhau trong 4 nhóm bệnh được quy định trong Quy tắc, Điều khoản và chưa nhận quyền lợi BHN giai đoạn đầu và/hoặc quyền lợi tiền mặt.
- (c) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH tử vong không do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.
- (d) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH tử vong trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.
- (e) bằng 30% STBH và được chi trả vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 65 của NĐBH. Trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential, khoản tiền này sẽ được hưởng lãi.
- (f) là số tiền minh họa đảm bảo mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn với giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả và quyền lợi tiền mặt được để lại tại Prudential không có lãi.
- (g) có giá trị ước tính, là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi và được công bố hằng năm (nếu có). Bảo tức được bảo đảm sau khi đã công bố. Trong bảng minh họa này, Bảo tức tích lũy được minh họa lần lượt ở mức 1,00%/năm, 2,00%/năm và 3,00%/năm trên STBH tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao.
- (h) có giá trị ước tính, là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, được chi trả thêm cùng với (1) Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần thứ hai hoặc (2) Quyền lợi tử vong hoặc (3) Quyền lợi khi đáo hạn hợp đồng bảo hiểm.
- (i) có giá trị ước tính, là khoản chi trả thêm (không đảm bảo) cùng với giá trị hoàn lại đảm bảo mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn với giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả. Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy được tính toán dựa trên giá trị hiện tại của bảo tức tích lũy ở thời điểm chấm dứt thời hạn hợp đồng bảo hiểm và NĐBH còn sống.
- (j) = c + g + h + khoản lãi nhận được trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.
- (k) = d + g + h + khoản lãi nhận được trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.
- (l) là số tiền minh họa (không đảm bảo) mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị hoàn lại thực tế có thể cao



hoặc thấp hơn giá trị minh họa.

(m) là khoản lãi nhận được khi kết thúc thời hạn hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.

(n) được tính trong trường hợp chưa có bất kì quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả.

• Giá trị tại cột (j), (k), (l), (m) và (n) được tính toán dựa trên giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả và quyền lợi tiền mặt được để lại tại Prudential để hưởng lãi với mức lãi suất minh họa giả định là 3,5%/năm, 5,0%/năm, 6,5%/năm tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao. Trong thực tế, mức lãi suất này có thể thay đổi tại từng thời điểm và khoản lãi này được tính lãi kép theo ngày.

(\* Minh họa Thấp/ Trung Bình/ Cao tương ứng với các giả định về kết quả đầu tư Thấp/ Trung Bình/ Cao tại thời điểm công bố bảo tức tích lũy năm qua. Vì lợi nhuận đầu tư thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau nên có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa, dẫn đến các quyền lợi không đảm bảo trong thực tế có thể khác với giá trị minh họa.



**3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)**

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
<b>Dành cho Người được bảo hiểm chính: BỐ</b>			
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN	Mắc BHN giai đoạn đầu lần 1 (*)	60.000.000 (tối đa)	Mức chi trả cho mỗi BHN giai đoạn đầu là 30% STBH và tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả tối đa cho mỗi BHN giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng bảo hiểm không vượt quá 500 triệu đồng. BHN giai đoạn đầu lần 2 được chẩn đoán phải không cùng nhóm BHN với BHN giai đoạn đầu lần 1 đã được chấp thuận chi trả, dựa theo danh sách BHN được quy định tại Quy tắc, Điều khoản. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một BHN giai đoạn đầu, quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho duy nhất một BHN giai đoạn đầu.
	Mắc BHN giai đoạn đầu lần 2 (*)	60.000.000 (tối đa)	
	Mắc BHN giai đoạn sau lần 1 (*)	200.000.000 (tối đa) Sau khi Quyền lợi bảo hiểm BHN giai đoạn sau lần 1 được chấp thuận chi trả, Prudential sẽ miễn toàn bộ Phí bảo hiểm còn lại của sản phẩm bảo hiểm chính kể từ ngày BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán xác định và Hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực.	Mức chi trả tối đa cho mỗi BHN giai đoạn sau là 100% STBH. Nếu BHN giai đoạn đầu đã chi trả cùng nhóm với BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán, quyền lợi BHN giai đoạn đầu đã chi trả sẽ được khấu trừ từ quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 1. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một BHN (bao gồm BHN giai đoạn đầu và/hoặc BHN giai đoạn sau), duy nhất một BHN có quyền lợi bảo hiểm cao nhất sẽ được chi trả. BHN giai đoạn sau lần 2 phải không cùng Nhóm BHN với BHN giai đoạn sau lần 1 và được chẩn đoán xác định sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán xác định. BHN giai đoạn sau lần 2 được chẩn đoán xác định phải không liên quan trực tiếp hay gián tiếp hoặc không xuất phát từ cùng nguyên nhân gây ra BHN giai đoạn sau lần 1 đã chấp thuận chi trả. Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 2 sẽ khấu trừ toàn bộ Quyền lợi BHN đã chấp thuận chi trả, Quyền lợi tiền mặt và các Khoản nợ, nếu có. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực sau khi Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 2 được chi trả.
	Mắc BHN giai đoạn sau lần 2 (*)	200.000.000 (tối đa)	



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM  
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN**

PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN	Tử vong không do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.	400.000.000 (tối đa)	Quyền lợi này sẽ khấu trừ toàn bộ Quyền lợi bảo hiểm BHN, Quyền lợi tiền mặt đã chấp thuận chi trả và các Khoản nợ, nếu có, tính đến thời điểm Người được bảo hiểm tử vong. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi Người được bảo hiểm tử vong.	
	Tử vong do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.	600.000.000 (tối đa)		
1	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe	Nằm viện	400.000	Cho mỗi Ngày nằm viện; được chi trả tối đa 100 Ngày nằm viện cộng dồn trong một Năm hợp đồng; hoặc
		Nằm viện tại Khoa chăm sóc đặc biệt	800.000	Cho mỗi Ngày nằm viện tại Khoa chăm sóc đặc biệt; được chi trả tối đa 30 Ngày nằm viện cộng dồn trong một Năm hợp đồng
		Phẫu thuật	2.000.000	Cho một ca phẫu thuật
<b>Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 1: MẸ</b>				
2	Bảo hiểm miễn đóng phí	Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Miễn toàn bộ Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ mua kèm đã ký kết, nếu có, (không bao gồm phí bảo hiểm tích lũy thêm của sản phẩm bảo hiểm chính thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, nếu có) kể từ kỳ phí kế tiếp sau khi Người được bảo hiểm miễn thu phí tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho đến hết Thời hạn hợp đồng của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này.	Các sản phẩm bổ trợ đính kèm phải thỏa điều kiện (i) có thời hạn đóng phí/thời hạn đóng phí còn lại từ 05 năm trở lên tại thời điểm tham gia sản phẩm Bảo hiểm miễn đóng phí; (ii) NĐBH của các sản phẩm bổ trợ này khác với NĐBH của sản phẩm Bảo hiểm miễn đóng phí.
3	Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn	Tử vong	100.000.000	
		Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	100.000.000	Được chi trả thành 10 lần trong 10 năm



**3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
<b>Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 1: MẸ</b>			
4	Bảo hiểm chết và tàn tật do tai nạn mở rộng	Bị tàn tật (theo mức độ tàn tật) hoặc bị phỏng nặng hoặc tử vong do tai nạn	100.000.000 (tối đa)
		Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên xe buýt hoặc xe lửa	200.000.000 (tối đa)
		Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên các chuyến bay thương mại	300.000.000 (tối đa)



Bên mua bảo hiểm:  
Người được bảo hiểm chính:

Bố  
Bố

Minh họa số:  
Tư vấn viên:

10000039/510011688  
PRUDENTIAL VIỆT NAM

Phiên bản:  
Ngày:

PruQuote v4.3 - CIM2  
26/04/2023 10:45:51



**3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
<b>Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 1: MẸ</b>			
5 Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 (*)	100.000.000	Tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả tối đa cho mỗi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng không vượt quá 500 triệu đồng.  Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 được chẩn đoán phải khác với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 đã được chấp thuận chi trả, dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này.  Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu, quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho duy nhất một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 (*)	100.000.000	
	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (*)	200.000.000	Nếu Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả trước đó cùng loại Bệnh hiểm nghèo với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau được chẩn đoán (dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này), quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả sẽ được khấu trừ từ quyền lợi này.  Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo (bao gồm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và/hoặc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau), duy nhất một Bệnh hiểm nghèo có quyền lợi bảo hiểm cao nhất sẽ được chi trả.



**3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: đồng*

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
<b>Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 2: CON TRAI</b>			
6	Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo	Mắc Bệnh hiểm nghèo (*)	Miễn đóng phí trong tương lai cho toàn bộ hợp đồng cho đến hết Thời hạn hợp đồng của sản phẩm bảo trợ này (không bao gồm phí tích lũy thêm đối với các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư và phí bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE, nếu có).



Bên mua bảo hiểm:  
Người được bảo hiểm chính:

Bố  
Bố

Minh họa số:  
Tư vấn viên:

10000039/510011688  
PRUDENTIAL VIỆT NAM

Phiên bản:  
Ngày:

PruQuote v4.3 - CIM2  
26/04/2023 10:45:51

**3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
<b>Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 2: CON TRAI</b>			
7 Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 (*)	100.000.000	Tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả tối đa cho mỗi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng không vượt quá 500 triệu đồng.  Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 được chẩn đoán phải khác với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 đã được chấp thuận chi trả, dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này.  Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu, quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho duy nhất một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 (*)	100.000.000	
	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (*)	200.000.000	Nếu Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả trước đó cùng loại Bệnh hiểm nghèo với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau được chẩn đoán (dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này), quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả sẽ được khấu trừ từ quyền lợi này.  Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo (bao gồm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và/hoặc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau), duy nhất một Bệnh hiểm nghèo có quyền lợi bảo hiểm cao nhất sẽ được chi trả.



**Ghi chú:**

- (\*) Quyền lợi này chỉ được chi trả với điều kiện (i) Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày bệnh được chẩn đoán xác định; (ii) các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện sau 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau.
- Chi tiết về quyền lợi và điều khoản loại trừ của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm. Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm này, theo chấp thuận của Bộ Tài chính, được công bố trên website của Prudential và Bộ Tài chính theo quy định hiện hành.
- Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Prudential trong vòng 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm theo quy định trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.



Bên mua bảo hiểm:  
Người được bảo hiểm chính:

Bố  
Bố

Minh họa số:  
Tư vấn viên:

10000039/510011688  
PRUDENTIAL VIỆT NAM

Phiên bản:  
Ngày:

PruQuote v4.3 -CIM2  
26/04/2023 10:45:51

**CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CHÍNH**

**1. Loại trừ trường hợp tử vong**

- a. Hành động tự tử, tự gây thương tích trong vòng 2 (hai) năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), tùy thuộc ngày nào xảy ra sau. Đối với phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm (nếu có), loại trừ do nguyên nhân tự tử theo quy định tại Điều này sẽ được áp dụng trong vòng 24 tháng tính từ ngày có hiệu lực của việc tăng Số tiền bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc
- b. Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
- c. Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS; hoặc
- d. Tử vong do bị thi hành án tử hình.

**2. Loại trừ trường hợp thương tật toàn bộ và vĩnh viễn**

Tình trạng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Người được bảo hiểm:

- a. Đã xảy ra trước Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất; tùy ngày nào đến sau; hoặc
- b. Phát sinh từ:
  - Tự tử không thành dẫn đến Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
  - Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc
  - Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

**3. Loại trừ trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo**

Prudential sẽ không chi trả các quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nếu các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện:

- a. Trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau; hoặc
- b. Trong vòng 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau, cho dù chưa có chẩn đoán Bệnh hiểm nghèo (ngoại trừ trường hợp Bệnh hiểm nghèo là hậu quả của Tai nạn và Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo trong vòng 90 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn).



#### **4. Loại trừ trường hợp tai nạn**

- a. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hành động nổi loạn, rối loạn dân sự hoặc bạo động; hoặc
- b. Phạm tội (theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm; hoặc
- c. Tự tử, hoặc tự gây thương tích cho bản thân của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- d. Tham gia các hoạt động nguy hiểm của Người được bảo hiểm như lặn có bình khí nén, nhảy bungee, leo núi, đua xe dưới mọi hình thức, điều lượn, khinh khí cầu, nhảy dù; hoặc
- e. Bị tác động bởi việc sử dụng các chất gây nghiện, thuốc điều trị tâm thần, rượu, chất độc, khí ga, các hoạt chất tương tự hoặc ma túy, trừ trường hợp có chỉ định của Bác sĩ và việc ảnh hưởng này là nguyên nhân gây ra Tai nạn; hoặc
- f. Khiếm khuyết về thể chất hay tinh thần hoặc tình trạng yếu sức khỏe đã tồn tại trước ngày bắt đầu bảo hiểm hay trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng; hoặc
- g. Bất kỳ sự kiện nào làm phát sinh yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm do hành động cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

#### **5. Loại trừ của bảo hiểm chăm sóc sức khỏe**

- a. Loại trừ Tình trạng tồn tại trước:

Prudential sẽ không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào cho sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này nếu Người được bảo hiểm Nằm viện hay trải qua Phẫu thuật vì Tình trạng tồn tại trước như quy định tại Quy tắc, Điều khoản.

- b. Loại trừ khi sự kiện bảo hiểm phát sinh trong Thời hạn loại trừ:

Prudential sẽ không chi trả bất cứ quyền lợi nào cho sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này nếu Người được bảo hiểm phải Nằm viện hay trải qua Phẫu thuật trong Thời hạn loại trừ được quy định tại Quy tắc, Điều khoản.

**LƯU Ý: Các điều khoản loại trừ trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.**

### **CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN KHÁC CỦA BẢN QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM**

#### **1. kê khai chính xác các thông tin cần thiết**

Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Prudential đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Việc thẩm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại điều này. Nếu vi phạm nghĩa vụ trên, tùy từng trường hợp, Prudential sẽ có quyền không chịu trách nhiệm bảo hiểm hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc vẫn chấp thuận bảo hiểm.

#### **2. Thời hạn cần nhắc**

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm và với điều kiện là chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Prudential. Khi đó, Prudential sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm: (tổng) Phí bảo hiểm ban đầu đã đóng của Hợp đồng bảo hiểm không có lãi; trừ đi các chi phí xét nghiệm y khoa, nếu có.

**LƯU Ý: Các điều khoản trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về các Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.**



*Các số liệu và quyền lợi trong tài liệu này được minh họa với giả định toàn bộ phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn và không có giao dịch nào làm thay đổi giá trị hợp đồng. Toàn bộ nội dung của tài liệu này là một phần của hợp đồng bảo hiểm.*

**XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN**

**XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM**

- Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng.
- Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Giải pháp bảo hiểm được tư vấn bởi tư vấn viên cùng với sự tham gia hỗ trợ của cấp quản lý:

Cấp quản lý	Họ và tên	Mã số	Điện thoại	Hình thức hỗ trợ
Quản lý trực tiếp	PRUDENTIAL VIỆT NAM	60234655	0999999999	<input type="checkbox"/> 1 <input checked="" type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
Quản lý gián tiếp	PRUDENTIAL VIỆT NAM	60484584	0999999999	<input type="checkbox"/> 1 <input checked="" type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5

- Tôi đã được Tư vấn viên phân tích nhu cầu và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu. Tôi có khả năng tài chính để đóng Phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này.
- Tôi đã đọc bảng minh họa này và đã được Tư vấn viên tư vấn rõ ràng chi tiết của bảng minh họa cũng như các Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.
- Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Các hình thức hỗ trợ

1. Hội thảo tư vấn, giới thiệu, bán sản phẩm bảo hiểm
2. Cùng TVV trực tiếp tư vấn, giới thiệu, bán sản phẩm bảo hiểm
3. Hỗ trợ TVV qua điện thoại
4. Hỗ trợ TVV qua email
5. Hỗ trợ TVV qua hình thức khác

Chữ ký: \_\_\_\_\_  
Họ và tên: **PRUDENTIAL VIỆT NAM**  
Mã số Tư vấn viên: **60720231**  
Ngày:        /        /

Chữ ký: \_\_\_\_\_  
Họ và tên: **Bố**  
Ngày:        /        /

**BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM**

